

MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH  
TƯỖ Ý MUỐN GỎI HAY KHÔNG

Đã có số 1/23/85  
card - list

N.B. PLEASE DO NOT SEND THIS FORM IF YOU DO NOT WISH TO PROVIDE INFORMATION.

PRISONER'S NAME (TÊN TÙ NHÂN) : NGÔ XUÂN Thu  
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 02 12 1942  
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : NAM Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :  
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM :  
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :  
: If yes (nếu có) From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP 25A - TĐ 63 HT/NH BẢO SẠO  
CAMP (TRẠI TÙ) HÀ - NAM - NINH TRẠI A (SHILL IN THE CAMP)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : ĐẠC CỬ HÀ - NGHI - VIÊN PHÁP NHIỆM II (1971-1975)

EDUCATION IN U.S. :  
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : ĐẠI - LƯU  
Chủ tịch Tiểu Ban Văn - Hóa Liên - Hiệp - Quốc

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : NGHỊ SĨ A - CHẤU CHỈ HUY V - NAM Date (Năm) :  
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo) :  
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Kín ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: Đào Thị Kim Chanh (V6)  
(Địa chỉ liên lạc tại VN) 453/95 NGUYỄN VĂN TROI Đ II (HỒ - CHI - MINH - VILLE)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : LUONG - DUC - PHAM  
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : NGUYỄN - KIỆT - NGÔ (con trai) SAME AS ABOVE  
hay Người Bảo Trợ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) ?

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN) : Son + Relatives

NAME AND SIGNATURE : Nguyễn Văn D  
ADDRESS OF INFORMANT : SAME AS ABOVE  
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này)

DATE :

# INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE, INC.

1801 WEST 17TH STREET • SANTA ANA, CA 92706-2392 • (714) 953-8812



**\*LEO CHERNE**  
Chairman  
**\*JACQUES BIDDLE DUKE**  
Honorary Chairman  
**\*JOHN C. WHITEHEAD**  
President  
**\*JAMES T. SHERWIN**  
Chairman, Executive Committee  
**\*H. WILLIAM FITELSON**  
Chairman, Planning Committee  
**\*RICHARD M. HAMMER**  
Chairman, Finance Committee / Treasurer  
**\*GARRET G. ACKERSON, JR.**  
Vice President - Europe  
**\*RALPH M. BARUCH**  
Vice President  
**\*MORTON I. HAMBURG**  
Vice President & General Counsel  
**\*MRS. EDWARD S. LANDRETH**  
Vice President  
**\*CECIL B. LYON**  
Vice President  
**\*BAYARD RUSTIN**  
Vice President - International  
**\*DAVID SHER**  
Vice President  
**\*MRS. LAWRENCE COPLEY THAW**  
Vice President  
**LIV ULLMANN**  
Vice President - International  
**\*EDWIN J. WESELY**  
Vice President  
**\*MRS. ANDREW GOODMAN**  
Secretary  
**CHARLES STERNBERG**  
Executive Director  
**ALTON KASTNER**  
Deputy Director  
**ROBERT P. DE VECCHI**  
Deputy Director - Operations  
**BERNARD WAXELBAUM**  
Controller  
  
**BOARD OF DIRECTORS**  
**THE OFFICERS AND**  
Nancy Abraham  
Mrs. Rose Becker  
Richard F. Blanchard  
**\*Mrs. Donald M. Blunk**  
Edward Brodsky  
Sol C. Chaikin  
**\*Anthony D. Duke**  
Mrs. Ralph Ellison  
Mrs. Jeanne R. Ford  
Clifford Forster  
Marcel Fox  
Carl Gershman  
Simoon Galar  
Walter Goldwasser  
Philip Gordon  
Herbert G. Grant  
Frances R. Grant  
Leonard Gross  
Allen Grover  
Joan F. Hamburg  
Jolie B. Hammer  
Irving Howe  
George F. Hritz  
Jacob K. Javits  
Paul O. John  
Tom Kahn  
Francis L. Kellogg  
Mrs. Irene Kirkland  
Philip R. Lee, M.D.  
**\*Mrs. Margery Levenson**  
**Mrs. Dolores Smithson Leving**  
Winston Lee  
**Mrs. Clare Booth Luce**  
Stanley Marcus  
**\*Leonard H. Marks**  
B. F. McLaurin  
**\*Warren C. Mosher**  
Allen Moore  
Bess Myerson  
Peter A. Nathan, M.D.  
**\*Lionel H. Olsch**  
Claiborne Pell  
Ralph A. Pfeiffer, Jr.  
John Richardson  
John P. Roche  
Felix Rohatyn  
**\*Oren Root**  
Howard A. Rush, M.D.  
Richard R. Salomon  
Isidore M. Scott  
Albert Shalshur  
Jacob Shinkman  
Mrs. H. Gilbert Smith  
Stephen J. Soler  
Carl Spilvogel  
James C. Strickler, M.D.  
**\*Charles J. Tansler**  
**\*William J. van der Horst**  
Miguel Bala Verga  
Mrs. Betty T. Weinwright  
**\*Daniel L. Weiner, M.D.**  
Peter W. Weiss  
Chester S. Williams  
John Ellis K. Winter  
**\*EXECUTIVE COMMITTEE**

Date; January, 17 1985

Mr. Art Roos, JVAR for ODP  
Consular Section-VPU  
P.O. Box 58  
American Embassy  
APO San Francisco, 96346

"Potential Cat III-Former ARVN and Con-  
gressman, still in re-education camp"

Subject: ODP Application for Ngo Xuan Thu F\*6

Address: Camps 25A TD 63 HT/NH Bao Sao  
Ha Nam Ninh Trai A Viet Nam

Dear Mr. Roos:

Enclosed is the ODP Affidavit of Relationship, together with  
supporting documents, executed by Pham Duc Cuong  
for his brother in law and family.

Mr. Pham D Cuong resides as follows:

Please assign an IV Number to this file and advise  
which additional documents are required.

Yours very truly,

*Alicia Cooper*  
**ALICIA COOPER**  
Director

AC: CH

Encl I.551

cc: IRC-NY

Anchor Relative Pham Duc Cuong

*de lam ho-20*

OVERSEAS  
OFFICES

Bangkok Beirut Brussels Geneva Hong Kong Khartoum Madrid Managua Montreal Munich Paris Peshawar Rome Tokyo Vienna  
Contributions to the International Rescue Committee are tax deductible.

**AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP**  
to be completed by relative/friend in USA

**I**

YOUR NAME PHAM DUC CUONG YOUR ALIEN STATUS IS:  
 AKA \_\_\_\_\_  
 DATE OF BIRTH 04-05-43 U.S. CITIZEN Number: \_\_\_\_\_  
 PLACE OF BIRTH HAIPHONG - VIETNAM PERMANENT RESIDENT ☒ Number: A-22-082-471  
 ADDRESS IN USA \_\_\_\_\_ REFUGEE ☐ A# \_\_\_\_\_  
 DATE OF ENTRY INTO USA 1 1 75 mo. day year  
 FROM WHICH COUNTRY? USA  
 TELEPHONE NO. (H) \_\_\_\_\_ (W) \_\_\_\_\_

**II****INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM****Important:**

\* The Principal applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) NGO XUAN THU AKA: is former A.R.V.N and former Congressman in VN; in reeducation camp

ADDRESS IN VIETNAM CAMPS 25A-7053 HT/HH BAO DAO HANAM NINH - TRAI A

HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? No CATEGORY? \_\_\_\_\_

DATE AND PLACE OF FILING \_\_\_\_\_

DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES \_\_\_\_\_ NO ☒ NUMBER? \_\_\_\_\_

I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER

OTHER Brother in law OF THE PRINCIPAL APPLICANT.  
 (Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

| NAME<br>In Vietnamese Order | DATE<br>OF BIRTH<br>mo/da/yr | PLACE<br>OF BIRTH     | SEX | MS | RELATION<br>TO P.A.    | ADDRESS                                              |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------------|-----|----|------------------------|------------------------------------------------------|
| 1. NGO XUAN THU             | 2/20/42                      | BUICHU<br>VIETNAM     | M   | N  | Principal<br>Applicant | Reeducation Camp in VN                               |
| 2. DAO THI KIM THOA         | 5/1/47                       | HAIDUONG<br>VIETNAM   | F   | M  | Wife                   | 453/95. NGUYEN VAN TRON<br>P-22. 02-3. H. HANAM NINH |
| 3. NGO KHOI THUY TU ANH     | 9/10/71                      | PLEIKU<br>VIETNAM     | F   | S  | Daughter               | " " "                                                |
| 4. NGO KHOI ANH THU         | 10/17/72                     | SALCON<br>VIETNAM     | F   | S  | Daughter               | " " "                                                |
| 5. NGO XUAN THO             | 8/19/74                      | PLEIKU<br>VIETNAM     | M   | S  | Son                    | " " "                                                |
| 6. PHAM THI NU              | 1/1/6                        | HANAM NINH<br>VIETNAM | F   | W  | Mother                 | " " "                                                |
| 7.                          | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 8.                          | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 9.                          | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 10.                         | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 11.                         | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 12.                         | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 13.                         | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |
| 14.                         | 1/1                          |                       |     |    |                        |                                                      |

THIS FORM IS FREE: IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

ODP-A 9/82

**INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE**  
1801 West 17th Street  
Santa Ana, CA 92706-2392

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

| NAME                                | SEX<br>(circle one) | DATE OF BIRTH<br>mo/day/yr | COUNTRY OF BIRTH | MARRIED?<br>(circle one) | LIVING/DEAD? | ADDRESS               |
|-------------------------------------|---------------------|----------------------------|------------------|--------------------------|--------------|-----------------------|
| <b>A. Your husband/wife</b>         |                     |                            |                  |                          |              |                       |
| DAO THI MINH CHAU                   | M/F                 | 12/14/52                   | VIETNAM          | Yes/No                   | Living       | H-B-CAL-USA           |
| <b>B. Your other husbands/wives</b> |                     |                            |                  |                          |              |                       |
| X/O                                 | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
| <b>C. Your children</b>             |                     |                            |                  |                          |              |                       |
| PHAM THI MINH NGOC                  | M/F                 | 6/15/73                    | VIETNAM          | Yes/No                   | Living       | H-B-CAL-USA           |
| PHAM DUC THINH                      | M/F                 | 5/20/74                    | VIETNAM          | Yes/No                   | Living       | " " "                 |
| PHAM TUYET LULIAN                   | M/F                 | 6/18/80                    | U.S.A            | Yes/No                   | "            | " " "                 |
| PHAM DUC PETER                      | M/F                 | 10/25/84                   |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
| <b>D. Your parents</b>              |                     |                            |                  |                          |              |                       |
| PHAM DUC TINH                       | M/F                 | UNKNOWN                    | VIETNAM          | Yes/No                   | Dead         | N/A                   |
| NGUYEN THI XUAN                     | M/F                 | UNKNOWN                    | VIETNAM          | Yes/No                   | Dead         | N/A                   |
| <b>E. Your brother/sisters</b>      |                     |                            |                  |                          |              |                       |
| PHAM HONG TUYET                     | M/F                 | 3/1/32                     | VIETNAM          | Yes/No                   | Living       | Hunter Beach - CA-USA |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |
|                                     | M/F                 |                            |                  | Yes/No                   |              |                       |

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE \_\_\_\_\_

AGENCY: EMBASSY USAID/USOM CORDS USIS USARV/MACV/DAO OTHER

☐ ☐ ☐ ☐ ☐ \_\_\_\_\_

SECTION/DIVISION/OFFICE \_\_\_\_\_

LAST POSITION: \_\_\_\_\_ LAST GRADE: \_\_\_\_\_

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM \_\_\_\_\_ TO \_\_\_\_\_

PLACE \_\_\_\_\_ NAME OF LAST SUPERVISOR \_\_\_\_\_

REASON FOR SEPARATION \_\_\_\_\_

SECTION/DIVISION/OFFICE \_\_\_\_\_

PREVIOUS POSITION: \_\_\_\_\_ PREVIOUS GRADE: \_\_\_\_\_

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM \_\_\_\_\_ TO \_\_\_\_\_

PLACE \_\_\_\_\_ NAME OF SUPERVISOR \_\_\_\_\_

REASON FOR SEPARATION \_\_\_\_\_

VIIVIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal applicant or any accompany relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON NGO XUAN THU  
 MINISTRY OR MILITARY UNIT SECURITY MILITARY / ARVN TITLE OR RANK Captain  
 PLACE Corps II / ARVN in Pleiku FROM 1962 TO 2/30/71  
 JOB DESCRIPTION ELECTED Congressman Term - 1971-1975  
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT:

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☒ NO ☐ IF YES,

PLEASE DESCRIBE:

NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS

VIIIRE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION?  
 YES ☒ NO ☐

NAME NGO XUAN THU DURATION from 15 June 75 to up to this date  
 NAME \_\_\_\_\_ DURATION from \_\_\_\_\_ to \_\_\_\_\_

IXREMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

He was Captain Security Officer in the II Corps of ARVN  
and was elected Congressman, Term - 1971 to 1975 -  
Reeducation camp from 6/15/75 to now.

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

XNOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement would jeopardize my immigration status in the United States.

Subscribed and sworn to me

Signature of Applicant

This \_\_\_\_\_ day of January, 19 85

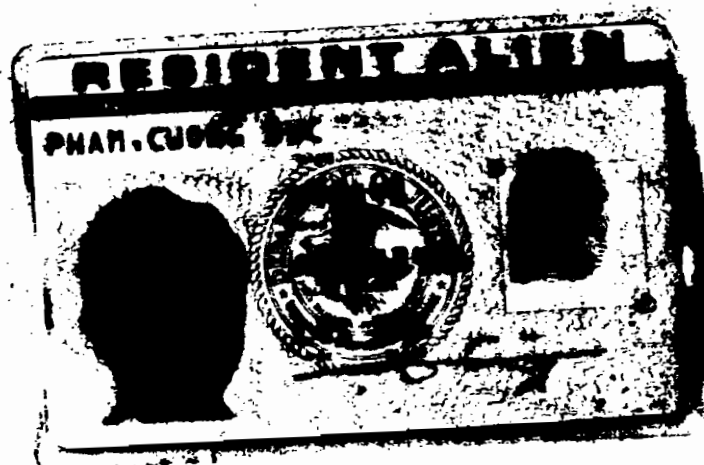
Signature of Notary



SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a parolee or Permanent Resident Alien, Please attach a copy of your i-94 (parolee) or I-151/I-551 (permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE: IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

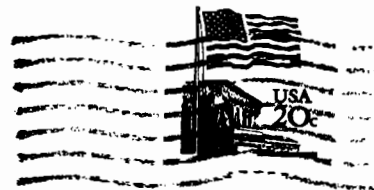


ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD  
PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

|                               |                    |                         |                         |                      |                      |
|-------------------------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
| 22082471                      | 11                 | 04                      | 473                     | 433                  | 87462                |
| <small>F. NAME</small>        | <small>IS</small>  | <small>EX</small>       | <small>W</small>        | <small>W</small>     | <small>PARTY</small> |
| 9839                          | 23304              | 53405                   | 21243                   | 02778                |                      |
| <small>PR</small>             | <small>ID#</small> | <small>ID#</small>      | <small>ID#</small>      | <small>PARTY</small> |                      |
| 091175                        | 266                | 021                     | 16500                   | 7340831              |                      |
| <small>ADM. ADJ. DATE</small> | <small>COF</small> | <small>IN. CODE</small> | <small>SEQUENCE</small> | <small>PARTY</small> |                      |

FORM 1-65 (REV. 7-71)

Pham - Luc - Cuong



Go : Hs. Gia - Anh Cu Nhân Chính Gai  
Viet - Nam

P. O Box 5435

ARLINGTON Va. 22205

## AD HOC COMMITTEE FOR VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

Ủy Ban Đặc Nhiệm Tù Nhân Chính Trị Việt Nam

Date: 11-20-1984  
(Ngày)

## POLITICAL PRISONER BIOGRAPHICAL DATA.

(Phiếu Tin Tức Về Tù Nhân Chính Trị)

This form is provided free of charge

(Phiếu này được cung cấp miễn phí)

## A. General Biography

(Lý lịch tổng quát)

1. Name: (Family name, middle, first).....NGÔ XUÂN THU.....  
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: .....MALE.....  
(Phái)
3. Date of birth: .....02-20-1942.....  
(Ngày Sinh)
4. Place of birth: .....THIỆN-THIỆN BÙI CHU NORTH VIETNAM.....  
(Nơi sinh)
5. Religion: .....CATHOLIC.....  
(Tôn giáo)
6. Political party: .....N/A.....  
(Đảng phái)

## B. Employment history before April 1975

(Quá trình nghề nghiệp trước 4/75)

1. Occupation: .....MILITARY CAPTAIN CONGRESSMAN Sr. No 42/145-562.....  
(Nghề Nghiệp) (Số quân)
2. Last position/Rank, Agency/Unit: .....CHỦ TỊCH TIỂU BAN VĂN HÓA LIÊN HIỆP.....  
(Chức vụ/cấp bậc Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)
3. Name of Commander or Supervisor: .....NGHỊ SĨ Á CHÂU CHỈ HUY VIỆT NAM.....  
(Tên vị chỉ huy cơ quan/đơn vị trưởng) ĐẶC CỬ HÀ NGHỊ VIÊN PHÁP NHIỆM II (1971-1975)

## C. Education

(Học Vấn)

1. VietNam/Degree: .....UNKNOWN.....  
(Bằng cấp tại Việt Nam)
2. Foreign Countries/Degree: .....TRAINING INTELLIGENCE IN MALAYSIA.....  
(Bằng cấp tại Ngoại quốc)
3. Location and length of time: .....KUALA LUMPUR 1967.....  
(Địa điểm và thời gian theo học)

## D. Arrest

(Giám giữ)

1. Date and place of Arrest: .....06-15-1975.....  
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, location of prisons or reeducation camps: .....CAMPS 25A - ID 63 HT/NH BẮC SAO.....  
(Tên địa điểm các trại giam) HÃ NAM-NINH TRẠI A
3. Date of release: .....HIỆN CÒN BỊ GIAM GIỮ (STILL IN THE CAMPS).....  
(Ngày được thả)

E. Family Status

(Tình trạng gia cảnh)

1. Married or single :.....MARRIED + 0.5.....  
(Có gia đình hoặc độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse and children :.....  
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)  
.....ĐÀO THI KIM THOA (WIFE)  
.....NGÔ KHÔI THUY TU ANH (F.).....NGÔ KHÔI ANH THỦ (F.)  
.....NGÔ XUÂN THO (M.).....NGÔ KHÔI NGUYỄN (M.) (USA)
3. Address of family :...453/95 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI Q3...  
(Địa chỉ gia đình) 453/95 HO CHI MINH VILLE - VIETNAM

F. Applicant

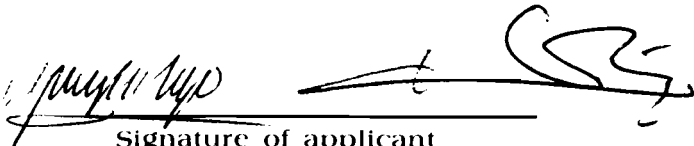
(Người thiết lập tài liệu)

1. Name :.....NGÔ KHÔI NGUYỄN (SON) PHAM ĐỨC CƯỜNG.....  
(Họ và tên) (RELATIVES)
2. Address and Phone number :...6831 GLEN DRIVE.....  
(Địa chỉ và điện thoại) HUNTINGTON BEACH CA 92647 USA (Tel) (74) 892-4592
3. Occupation : RESTAURANT MANAGER.....  
(Nghề nghiệp)
4. Relationship with detainee :.....SON AND RELATIVES.....  
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
5. Status in USA : Permanent resident ☒ U.S citizen ☐  
(Tình trạng cư trú)
6. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)? : Yes ☒ No ☐  
(Ông/bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

G. Miscellaneous

(Linh tinh)

If possible, please attach photo of detainee (alone, with relatives or friends) or any available documents and latest information.  
(Nếu có thể xin đính kèm tấm hình của tù nhân cải tạo hay bất cứ hình nào của đương sự với thân nhân hay bạn bè, hoặc các tài liệu và tin tức mới nhất.)

  
Signature of applicant  
(Chữ ký của người thiết lập tài liệu)

Note :

(Cước chú)

1. This information will be kept confidential  
(Tài liệu này sẽ được giữ kín)
2. Please complete this form as much as possible  
(Xin điền đơn này càng đầy đủ càng tốt)
3. Applicant is not required to be a relative.  
(Người thiết lập tài liệu không nhất thiết phải là thân nhân.)
4. Please inform any change of address or information.  
(Xin thông báo tiếp mọi thay đổi địa chỉ và tin tức.)

# KHAI SANH

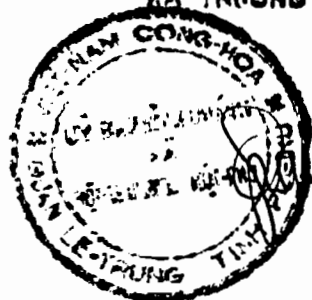
Số hiệu 0484



THÁC LÊ KIM (PLEIKU)

PLEIKU, 05/10/1970  
XÃ TRƯỞNG ỨNG  
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Minh-Chi  
Thác Lê Kim  
PLEIKU, 05/10/1970  
XÃ TRƯỞNG ỨNG



PHAN-ĐÌNH-KHEN

|                      |                                            |
|----------------------|--------------------------------------------|
| Tên họ đủ nhì        | NGO-KHOI-NGUYEN                            |
| Phối                 | Nam                                        |
| Sinh                 | ngày một tháng một, năm một ngàn chín trăm |
| Ngày, tháng, năm     | bảy mươi (01-I-1970)                       |
| Tại                  | Hội-Thương Hội-Phủ, Lê-Trung, Pleiku       |
| Cha                  | Ngô-Xuân-Thu                               |
| Tên họ               |                                            |
| Tuổi                 | 1942                                       |
| Nghề-nghiep          | Quân-nhân                                  |
| Cư trú tại           | KBC. 3.659                                 |
| Mẹ                   | Đào-Thị-Kim-Thoa                           |
| Tên họ               |                                            |
| Tuổi                 | 1947                                       |
| Nghề-nghiep          | Nội-trư                                    |
| Cư trú tại           | Hội-Thương Hội-Phủ, Lê-Trung, Pleiku       |
| Vợ                   | chánh                                      |
| Chánh hay phó        |                                            |
| Người khai           | Ngô-Xuân-Thu                               |
| Tên họ               |                                            |
| Tuổi                 | 1942                                       |
| Nghề-nghiep          | Quân-nhân                                  |
| Cư trú tại           | KBC. 3.659                                 |
| Ngày khai            | 29 tháng 01 năm 1970                       |
| Người chứng thứ nhất | TRƯƠNG-VĂN-CÔNG                            |
| Tên họ               |                                            |
| Tuổi                 | 1943                                       |
| Nghề-nghiep          | Quân-nhân                                  |
| Cư trú tại           | KBC. 3.659                                 |
| Người chứng thứ nhì  | NGUYỄN-VĂN-LAN                             |
| Tên họ               |                                            |
| Tuổi                 | 1936                                       |
| Nghề-nghiep          | Quân-nhân                                  |
| Cư trú tại           | KBC. 3.659                                 |

NGO - KHOI - NGUYEN  
con TRAI SÁNG  
NGO - XUAN - THU -

Hiện ngụ tại  
6831 Glen Drive  
Huntington Beach  
CA : 92647  
U.S.A.

TAI NHAI TAN-TAN - PLEIKU

Lập tại Hội-Thương Hội-Phủ ngày 29 tháng I năm 1970

Người khai,  
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,  
NGO-XUAN-THU (kỹ)

Minh-Chi

Nhân chứng  
TRƯƠNG-VĂN-CÔNG (kỹ)  
NGUYỄN-VĂN-LAN (kỹ)

NHẬN THUẬN CHỮ KÝ

Tham-chiến Nghị-Định số 100/100/100  
ngày 17.12.1971 của Bộ Tổng Tham-Mưu

VIỆT NAM CỘNG HÒA  
BỘ QUỐC-ĐẢM  
BỘ TỔNG THAM-MU/QUVNCH  
TỔNG CỤC CHIẾN-TRANG CHÍNH-T  
CỤC AN-LINH QUÂN-ĐỘI  
SỞ 2 AN-LINH QUÂN-ĐỘI

## CHỨNG-CHỈ GIẢI-NGƯ

Số 138/MC/NV/3.-

Trung-Tá NGUYỄN-VĂN-SẢO, Chánh Sở 2 An-Ninh Quân-Đội

chứng nhận:

Đại-Ủy ĐPQ/ĐƯ NGO-XUÂN-THU số quân 42/145.562 sinh ngày 20.02.1942

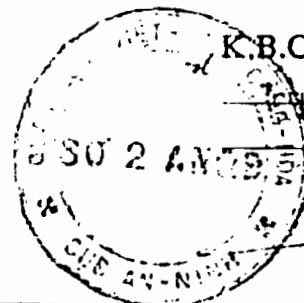
tại Thiên-Thiên, tỉnh Bù-Chi (BV) con ông Ngô-Việt-Hồ

và bà Phan-Thị-Nụ

Nhập ngũ vào QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ngày 01 tháng 9 năm 1962  
đã được giải-ngũ ngày 30 tháng 08 năm 1971

Lý do: Đắc cử Dân-Biểu Hạ-Nghị-Viên pháp nhiệm II (1971-1975)

Đương-sự khai về cư-ngũ tại Số nhà 453/95 đường Trương-Minh-Giang, Sài Gòn.



K.B.C3.128, ngày 7 Th.1.1972

Trưởng-Tá PHẠM-NGỌC-MIÊN

Sĩ-Quan Phụ-Tá

*Phạm Ngọc Miên*

NGÔ Xuân - Thu  
Hiện còn bị giam giữ tại: CAMPS 25A ID 63 HT/HH BẢO-SẠO  
HÀ-NAM-Ninh (Đại A)  
BẮC-VIỆT - VIỆT NAM

Pham Duc. Cuong

R. 11/27/84

To : Hội Gia - đình Vũ Nhân Chính. Mi V-Nam

P. O Box 5435

ARLINGTON

VA : 22205.

